TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2024/DS-PT
Ngày: 17 - 6 - 2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/6/2024 và 17/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 852/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 947/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Bảo T, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Cư trú tại số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1999 (có mặt ngày 12/6/2024, vắng mặt ngày 17/6/2024);

Địa chỉ liên hệ: Số A, đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Phương Đại N – Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt ngày 12/6/2024, vắng mặt ngày 17/6/2024).

- *Bị đơn:*

1. Ông Hoàng Nam Đ, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ đường X, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Trại giam Đ2, Bộ C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Phạm Kim A, sinh năm: 1981;

Cư trú tại Bagget st, CA 92840, USA; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1966 (có mặt ngày 12/6/2024, vắng mặt ngày 17/6/2024);

Địa chỉ liên hệ số B, đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phan Bảo T; Bị đơn bà Phạm Kim A (có bà Nguyễn Thị Tuyết H là đại diện theo ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/6/2021 của bà Phan Bảo T, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Lê Thị Kim L (người đại diện theo ủy quyền của bà T) thì:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2017 bà T có cho vợ chồng ông Đ, bà A vay nhiều lần tiền, cụ thể: Ngày 30/9/2017 cho vay số tiền 2.500.000.000 đồng; Ngày 31/8/2017 cho vay 2.000.000.000 đồng; Ngày 25/8/2017 bà T cho vay 2.000.000.000 đồng; Ngày 20/9/2017 bà T cho vay số tiền 5.000.000.000 đồng. Tổng cộng bà T cho vợ chồng ông Đ, bà A vay số tiền 11.500.000.000 đồng.

Mục đích vợ chồng ông Đ, bà A vay tiền của bà T là dùng để nhận chuyển nhượng rất nhiều lô đất tại huyện Đ. Tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ thì vợ chồng ông Đ, bà A không trả cho bà T số tiền đã vay nêu trên. Năm 2018 bà T thông báo với vợ chồng ông Đ, bà A về việc nếu vợ chồng ông Đ, bà A không trả số tiền đã vay thì bà sẽ khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ, bà A phải trả số tiền gốc và lãi đã vay của bà T.

Tuy nhiên, vào khoảng tháng 4 năm 2018, ông Đ có đến gặp bà T và trao đổi với bà T về việc ông Đ có thể bị Công an tỉnh L bắt giam để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên mới đề nghị bà T tạm thời chưa khởi kiện để vợ chồng ông Đ, bà A sẽ sắp xếp thương lượng để trả nợ cho bà T nên bà T không gửi đơn khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà A. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông Đ, bà A vẫn không sắp xếp để trả nợ cho bà T; Hiện nay ông Đ đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đang chấp hành hình phạt tù mà Tòa án đã tuyên.

Từ năm 2018 cho đến năm 2020 thì bà T liên tục đi tìm bà Kim A nhưng không cách nào tìm được và cũng không biết bà A đang ở đâu nên bà T không

có địa chỉ cụ thể của bà A để tiến hành khởi kiện. Đến đầu tháng 6/2021, bà T mới biết được bà A đãđi định cư tại Mỹ và hiện đang cư trú tại địa chỉ: B, CA I, USA.

Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A trả số tiền nợ gốc là 11.500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự tính từ tháng 01/2018 đến 31/5/2021, cụ thể 11.500.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 190.900.000 đồng/tháng x 29 tháng = 5.536.100.000 đồng; tổng cộng bà T yêu cầu bị đơn phải trả cho bà số tiền 17.036.100.000 đồng.

Theo bị đơn ông Hoàng Nam Đ trình bày:

Giữa ông và bà Phan Bảo T có mối quan hệ lam ăn với nhau, cụ thể là việc vay mượn tiền đáo hạn ngân hàng và mua bán bất động sản; Khi ông cần tiền thì sẽ gọi điện thoại cho bà T và bà T sẽ đưa tiền cho ông. Thời hạn vay của từng khoản tiền, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đối với các giấy vay do bà T xuất trình thì ông thừa nhận có vay số tiền này nhưng đã được trả hết theo thời hạn ghi trong giấy vay tiền. Khi vay thì ông có thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T; do đã trả nợ xong nên bà T đã trả lại cho ông 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này; Khi trả tiền do thì do tin tưởng nhau nên giữa các bên không lập giấy tờ gì. Tại biên bản ghi lời khai do Phòng PC 44 – Công an tỉnh L lập ngày 08/11/2017 ông cũng trình bày vấn đề này.

Giữa ông với bà Phạm Kim A trước đây là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ. Đến khoảng tháng 6/2017 thì ông với bà A đã ly hôn. Trước đó thì ông và bà Kim A chung sống tại huyện Đ.

Toàn bộ việc vay tiền giữa ông với bà T thì hoàn toàn không có liên quan gì đến bà A. Đối với chữ ký trong "Giấy mượn tiền" hẹn trả nợ ngày 30/9/2017 là do ông tự ký vì bà T yêu cầu có tên vợ trong giấy vay nợ.

Nay bà T khởi kiện ông phải trả số tiền nợ gốc là 11.500.000.000 đồng, lãi phát sinh là 5.536.100.000 đồng thì ông không đồng ý vì các khoản tiền nợ gốc này ông đã trả xong và đã được đối chất tại Công an tỉnh L.

Theo bà Nguyễn Thị Tuyết H, là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Kim A1 trình bày:

Bà Phạm Kim A1 và ông Hoàng Nam Đ trước đây là vợ chồng; vào khoảng năm 2007 bà Kim A1 và ông Đ tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn; vợ chồng chung sống với nhau có 2 con chung. Tuy nhiên, vợ chồng ông Đ, bà Kim A1 sống với nhau không hạnh phúc do mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân; trong đó nguyên nhân chính là ông Đ ăn chơi đua đòi bên ngoài, sống không có trách nhiệm với vợ con.

Năm 2017 bà A1 đã mang 2 con về Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống với gia đình cha mẹ. Sau đó, thì giữa bà A1 với ông Đ ly hôn được Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 834/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2017.

Từ sau khi ly hôn giữa bà A1 với ông Đ phần ai nấy sống. Trong thời gian vợ chồng còn sống chung thì bà A1 hoàn toàn không biết việc ông Đ tự động ký tên bà, lấy danh nghĩa bà A1 là vợ để đi vay mượn tiền bạc của nhiều người. Vì những khoản tiền ông Đ vay mượn bên ngoài tiêu xài cho cá nhân hay làm việc gì thì bà A1 hoàn toàn không hay biết. Ông Đ chưa từng mang bất cứ khoản tiền vay nào để đưa cho bà để lo việc gia đình hay cho con ăn học. Chỉ đến khi nhiều người đòi nợ ông Đ, thì lúc này bà A1 mới biết việc ông Đ đã bị đổ nợ do vay mượn nợ của nhiều người, tuy nhiên ông Đ nợ ai, bao nhiêu tiền thì bà A1 không biết. Sau đó ông Đ bị Tòa án các cấp xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với mức án tù 10 năm. Khoảng đầu năm 2018 bà A1 đã đi xuất cảnh tại nước Mỹ và hiện nay vẫn chưa về nước.

Nay bà T khởi kiện đòi nợ ông Đ và bà A1 phải trả nợ thì bà A1 xác định không có vay mượn tiền gì của bà T. Việc ông Đ vay tiền của bà T như thế nào thì chỉ có bà T và ông Đ biết, nên bà A1 hoàn toàn không chịu trách nhiệm cùng với ông Đ đối với bất cứ khoản tiền vay nào mà hiện nay nguyên đơn đang khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Phan Bảo T đối với số tiền 5.000.000.000 đồng theo "Giấy vay mượn tiền" ngày 20/9/2017.

1.1 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà Phan Bảo T.

1.2. Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu nói trên của đương sự được được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Bảo T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1.

Buộc ông Hoàng Nam Đ có trách nhiệm trả cho bà Phan Bảo T số tiền 8.897.333.000 đồng (tám tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trong đó nợ gốc là: 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm triệu đồng), lãi phát sinh là: 2.397.333.000 đồng (hai tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2021 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất 347,5m^2 thuộc thửa đất số All-L tờ bản đồ số QHDC lô 90 tại khu phố D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA842046 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hàn Nguyên Đ1 vào ngày 10/02/2010, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ điều chỉnh đăng ký biến động sang tên ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1 vào ngày 18/11/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 05/9/2023 nguyên đơn bà Phan Bảo T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm;

- Ngày 31/8/2023 bị đơn bà Phạm Kim A1 (có bà Nguyễn Thị Tuyết H là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Bảo T (có bà Lê Thị Kim L là đại diện theo ủy quyền), bị đơn bà Phạm Kim A1 (có bà Nguyễn Thị Tuyết H là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Thời điểm tạo lập giấy vay mượn tiền thì ông Đ, bà Kim A1 là vợ chồng hợp pháp. Sau khi vay nợ xong, thì ông Đ bà Kim A1 đã mua bất động sản, thực hiện các giao dịch thế chấp vay tiền. Sau đó, bà Kim A1 xuống S ở, ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết ly hôn. Qua quyết định thuận tình ly hôn ông Đ, bà Kim A1 khai không có nợ chung, không có con chung. Việc ly hôn này không có thiện chí trong việc giải quyết nợ với chủ nợ. Theo văn bản của cơ quan thi hành án thì ông Đ, bà Kim A1 có 09 bất động sản. Nếu không phải là ông Đ, bà Kim A1 là người có danh tiếng ở địa phương thì bên cho vay sẽ không cho vay. Việc cho rằng ông Đ không mang tiền về dùng cho gia đình là mâu thuẫn với thực tế vì vợ chồng có rất nhiều tài sản. Bản án sơ thẩm nhận định nguyên dơn không chứng minh được ông Đ dùng tiền làm gì thì không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Để giải quyết triệt để vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bà Kim A1 phải liên đới với ông Đ trả nợ, để xem xét bảo vệ quyền lợi cho bên cho vay.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Nếu nguyên đơn cho rằng cho vợ chồng bị đơn vay thì khi cho vay, nguyên đơn phải chứng minh được là có yêu cầu có mặt bà Kim A1. Lời khai bà T tại cơ quan điều tra cho rằng cho ông Đ vay để đáo nợ ngân hàng. Ông Đ, bà Kim A1 là tự nguyện thuận tình ly hôn. Trong 09 tài sản bị đơn cung cấp cho cơ quan thi hành án thì không có tài sản mua năm 2017, đây là các tài sản hình thành từ năm 2015 trở về trước.

Đối với tài sản bị phong tỏa thì mặc dù chưa được giải quyết bằng quyết định của Tòa án, nhưng ý chí các bên đã được cơ quan thi hành án ghi nhận, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản này. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Bảo T làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Ngày 31/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn kháng cáo cùng ngày của bà Nguyễn Thị Tuyết H (đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Kim A1). Ngày 06/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn kháng cáo đề ngày 31/8/2023 của bị đơn bà Phạm Kim A1. Ngày 08/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 961/TA-DS trả lời đơn kháng cáo của bà Kim A1 như sau: Bà Kim A1 đang ở nước ngoài, nhưng đơn kháng cáo ngày 06/9/2023 không được hợp pháp hóa lãnh sự là không đúng quy định pháp luật; Đối với kháng cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì nội dung này không thuộc trường hợp kháng cáo. Theo Thông báo về việc kháng cáo số 670/TB-TA ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì chỉ có nguyên đơn bà Phan Bảo T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 24/8/2023.

Xét, theo nội dung văn bản ủy quyền số 154-09/HPHLS được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/9/2021 thì bà Tuyết H được quyền đại diện bà Kim A1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà Tuyết H nộp đơn kháng cáo ngày 31/8/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đơn kháng cáo của bà Tuyết H, không thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, không thông báo về việc kháng cáo của bị đơn là có thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đề nghị Hội đồng xét xử xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nguyên đơn bà Phan Bảo T (có bà Lê Thị Kim L là đại diện theo ủy quyền) có mặt và đồng ý với việc ghi nhận bị đơn có kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị đơn bà Kim A1 có kháng cáo, và

xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, để không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử xem xét bản án sơ thẩm do có kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Mặc dù vi phạm tố tụng này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Nguyên đơn bà Phan Bảo T cho rằng do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2017 bà T có cho vợ chồng ông Đ, bà A1 vay nhiều lần tiền, cụ thể: Ngày 30/9/2017 cho vay số tiền 2.500.000.000 đồng; ngày 31/8/2017 cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng; Ngày 25/8/2017 cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng; Ngày 20/9/2017 cho vay số tiền 5.000.000.000 đồng; Tổng cộng là 11.500.000.000 đồng. Do vợ chồng ông Đ, bà A1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà A1 có trách nhiệm trả số nợ gốc nói trên. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 09/8/2022 bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản tiền 5.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/9/2017. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà T về việc buộc bị đơn trả số tiền 5.000.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Như vậy, số tiền nợ gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 6.500.000.000 đồng.

[4] Bị đơn ông Hoàng Nam Đ thừa nhận có vay số tiền như trong giấy vay tiền, mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng và mua bán bất động sản tuy nhiên các khoản nợ này thì ông đã trả nợ hết nên không đồng ý với yêu cầu của bà T. Trong khi đó, bà Phạm Kim A1 thì cho rằng bà không có liên quan gì đến việc vay mượn giữa ông Đ với bà T.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[5.1] Theo biên bản đối chất lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L thể hiện ông Đ chỉ thừa nhận còn nợ bà T số tiền 5.150.000.000 đồng và không thừa nhận các khoản nợ khác (các khoản vay ngày 25/8/2017 và ngày 31/8/2017 đã trả cho bà T, riêng đối với khoản vay 2.500.000.000 đồng ngày 30/9/2017 thì ông Đ cho rằng chỉ viết giấy theo yêu cầu, thực tế không nhận tiền). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cũng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày, và nguyên đơn cũng không thừa nhận. Mặt khác, ông Đ cho rằng việc trả nợ ông có nhờ ông B, ông H1 là người nhận tiền thay cho bà T. Nhưng, tại Bản tường trình của ông Phạm Văn H2, ông Phạm Quốc B1 (bút lục 202, 203) thì cả ông H2, ông B1 đều khẳng định không có việc nhận giùm tiền từ ông Hoàng Nam Đ. Vì vậy, lời trình bày của ông Đ là không có căn cứ để xem xét.

Mặt khác, ông Đ cho rằng việc vay mượn thì ông có thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và do giữa ông với bà T đã trả nợ xong nên bà T đã trả lại cho ông 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T đã giao nộp 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này (bút lục số 07, 10). Từ những tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở xác định việc ông Đ đã trả nợ xong cho bà T là không có căn cứ.

[5.2] Đối với "Giấy mượn tiền" ngày 30/9/2017 có chữ ký của bà Kim A1 thì ông Đ cho rằng việc ký chữ ký bà A1 trong Giấy vay nợ nói trên là do bà T yêu cầu nên ông là người cầm bút ký.

Mặt khác, tại biên bản đối chất lời khai ngày 07/12/2017 tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, bà T cũng thừa nhận: *"Khi vay tiền thì ông Đ đặt vấn đề vay tiền, còn bà A1 vợ của ông Đ không đặt vấn đề vay tiền của bà và bà chỉ giao tiền cho ông Đ chứ không giao tiền cho bà A1, khi ông Đ nhận tiền thì bà A1 cũng không có mặt....Kim A1 không ký trước mặt tôi".* Bà A1 cũng không thừa nhận việc có ký vào giấy nhận nợ ngày 30/9/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu giám định để xác định nội dung này nên không có căn cứ để khẳng định việc bà A1 có tham gia giao kết vào giấy vay nợ trên. Theo ông Đ trình bày mục đích vay tiền là dùng để đáo hạn ngân hàng và mua bất động sản. Xét, tại thời điểm diễn ra giao dịch vay tiền thì ông Đ và bà Kim A1 là quan hệ vợ chồng. Trong đơn kháng cáo, bà H nêu sau khi ông Đ, bà Kim A1 ly hôn thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng đã kê biên toàn bộ tài sản của ông Đ, bà Kim A1, trong đó có 09 bất động sản. Do vậy có cơ sở xác định số tiền vay từ bà T được ông Đ sử dụng trong việc tạo lập tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà Kim A1. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mục ông Đ vay tiền không dùng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 24, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chỉ ông Đ phải chịu trách nhiệm đối với số tiền vay trên là không đúng với diễn biến của vụ việc, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bà Kim A1 phải liên đới với ông Đ để trả số tiền vay là có căn cứ chấp nhận.

[5.3] Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Đ phải trả số nợ gốc là 11.550.000.000 đồng, tại biên bản đối chất lời khai của bà T tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L thì bà T lại cho rằng tổng số tiền mà ông Đ còn nợ là 11.650.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của bà T là có sự mâu thuẫn đối với số tiền vay hiện nay ông Đ còn nợ. Do bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản tiền 5.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/9/2017, nên số tiền ông Đ còn nợ bà T là 6.500.000.000 đồng.

[5.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất phát sinh: Quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm; Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà T đề nghị tính lãi suất 10%/năm từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc yêu cầu này là phù hợp và không vượt quá theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 16/6/2021 đến ngày 24/8/2023 là phù hợp; Cụ thể: 6.500.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 2 tháng 8 ngày = 2.397.333.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ, bà Kim A1 phải thanh toán cho bà T là: 8.897.333.000 đồng.

[5.5] Đối với đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 09/8/2022 của bà Phan Bảo T liên quan đối với số tiền 5.150.000.000 đồng:

Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Như vậy, do vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ vào ngày 07/4/2022 và đưa vụ án ra xét xử nên việc sửa đổi, bổ sung của bà T là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được xem xét. Trường hợp bà T có tranh chấp đối với số tiền 5.150.000.000 đồng thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5.6] Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203010638 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/11/2002 mang tên Nông Thị D, đăng ký biến động sang tên ông Hoàng Nam Đ ngày 15/9/2017, và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 151282 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31/12/2009 mang tên ông Hoàng Nam Đ:

Khi cho vay thì ông Đ có thế chấp 02 giấy chứng nhận này cho bà T. Tuy nhiên, việc thế chấp này không đúng quy định pháp luật nên vô hiệu toàn bộ. Đúng ra phải trả lại 02 giấy chứng nhận này cho ông Đ, nhưng theo Thông báo số 968/TB-THADS ngày 22/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng đã kê biên quyền sử dụng đất được cấp trong 02 giấy chứng nhận này để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Đ. Do đương sự đã nộp bản chính 02 giấy chứng nhận này cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng để thực hiện việc thi hành án theo quy định pháp luật.

[5.7] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2021:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 347,5m^2 thuộc thửa đất số All-L tờ bản đồ số QHDC lô 90 tại khu phố D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA842046 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hàn Nguyên Đ1 vào ngày 10/02/2010 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ điều chỉnh đăng ký biến động sang tên ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1 vào ngày 18/11/2016.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2021 để phong tỏa

tài sản trên theo quy định tại khoản 10 Điều 114, Điều 126 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật, vì tại thời điểm này nguyên đơn khởi kiện đối với vợ chồng ông Đ, bà A1; đồng thời Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên chưa điều chỉnh đứng tên bà A1 theo Thông báo số 968/TB-THADS ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Mặt khác, theo nhận định của Bản án phúc thẩm đã xác định ông Đ, bà Kim A1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ cho bà T, nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này cho đến khi thi hành xong bản án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo nội dung nhận định trên.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1 phải chịu án phí trên số tiền 8.897.333.000 đồng thanh toán cho bà Phan Bảo T là: 116.857.333 đồng.

Bà Phan Bảo T không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Bảo T;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Kim A1 (có bà Nguyễn Thị Tuyết H là đại diện theo ủy quyền);

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Phan Bảo T đối với số tiền 5.000.000.000 đồng theo "Giấy vay mượn tiền" ngày 20/9/2017.

1.1/Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà Phan Bảo T.

1.2/Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu nói trên của đương sự được được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Bảo T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1.

Buộc ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Bảo T số tiền 8.897.333.000 đồng (tám tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trong đó nợ gốc là: 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ, năm triệu đồng), lãi phát sinh là: 2.397.333.000 đồng (hai tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2021 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất 347,5m^2 thuộc thửa đất số All-L tờ bản đồ số QHDC lô 90 tại khu phố D, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA842046 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hàn Nguyên Đ1 vào ngày 10/02/2010, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ điều chỉnh đăng ký biến động sang tên ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1 vào ngày 18/11/2016 cho đến khi thi hành xong bản án.

4/Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A1 phải chịu 116.897.333 đồng.

Bà Phan Bảo T không phải chịu. Bà Phan Bảo T được nhận lại số tiền 116.857.339 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006775 ngày 11/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

5/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Bảo T không phải chịu; Hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014984 ngày 15/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;

Bà Phạm Kim A1 không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NĐ (1);
- BĐ (2);
- Lưu (10) 18b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu